

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:02/2026/KDTM-PT

Ngày 27/01/2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Hoàng Hữu Truyền

Các Thẩm phán: Ông Hoàng Anh Tuấn

Bà Lý Thị Thúy

- Thư ký phiên toà: Ông Cao Văn Chiến -Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh

TH.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh TH tham gia phiên toà: Ông Hà Đức Biên - Kiểm sát viên.

Ngày 27/01/2026 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh TH mở phiên toà xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại phúc thẩm thụ lý số: 18/2025/TLPT-KDTMPT, ngày 18/11/2025 về “Tranh chấp hợp đồng cho thuê tài chính” do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 05/2025/KDTM-ST, ngày 29 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực I – TH bị kháng cáo

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 14/2026/QĐ-PT, ngày 06 tháng 01 năm 2026 của Tòa án nhân dân tỉnh TH giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty C1, Ngân hàng C1.

Địa chỉ: Số D, P, phường K, quận Đ, thành phố N nay là phường K, thành phố N.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Thanh S - Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đinh Sỹ Q - Chức vụ: Phó phòng kinh doanh Công ty C1, Ngân hàng C1 (Theo Quyết định về việc ủy quyền số 63/QĐ ngày 25/3/2025 của Tổng Giám đốc Công ty C1, Ngân hàng C1); có mặt tại phiên toà.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1960, chủ doanh nghiệp tư nhân P1; có mặt.

Nơi thường trú: Tổ A, phường T, tỉnh TH.

Đại diện theo uỷ quyền: Chị Ngô Thị Vương H, sinh năm 1984;

Địa chỉ: Căn hộ C, tổ hợp nhà đa năng 28 tầng, tháp đông, làng Q, G T, phường N, N. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, vụ án được tóm tắt như sau: Đại diện của nguyên đơn Công ty C1 (Sau đây viết tắt là Công ty cho thuê tài chính) trình bày:

1. Về ký kết hợp đồng cho thuê tài chính: Công ty cho thuê tài chính và Doanh nghiệp tư nhân P1 (Sau đây viết tắt là doanh nghiệp P1) có ký kết các hợp đồng cho thuê tài chính:

Hợp đồng cho thuê tài chính số 455/2002/ALCI ngày 31/10/2002 – phụ lục hợp đồng 04B/ALCI. Tài sản cho thuê là 01 Máy đào bánh xích mang nhãn hiệu CATERPLLERE240. Tổng giá trị tài sản cho thuê 700.070.000 đồng.

- Đặt cọc: 210.000.000 đồng; Ký cược: 0 đồng.

- Thời hạn thuê: 48 tháng.

- Ngày nhận nợ: 01/11/2002

- Ngày trả nợ cuối cùng: 11/10/2006

Lãi suất khi cho thuê: 0,90%/tháng; trường hợp để phát sinh nợ quá hạn, lãi suất cho thuê quá hạn bằng 150% cho thuê trong hạn.

Mục đích sử dụng tài sản thuê là để phục vụ cho hoạt động kinh doanh hợp pháp của Doanh nghiệp tư nhân P1.

Ngày 31/10/2002, D đã nhận tài sản thuê theo Hợp đồng cho thuê tài chính. DN Phúc T là bên trực tiếp quản lý, sử dụng tài sản thuê trong quá trình thực hiện hợp đồng thuê tài chính.

Tại Hợp đồng cho thuê tài chính nói trên đã quy định: D cam kết thanh toán tiền thuê cho Công ty cho thuê tài chính đầy đủ, đúng hạn theo lịch thanh toán cụ thể được quy định tại phụ lục 4B/ALCI kèm theo Hợp đồng cho thuê tài chính. Theo đó, Công ty C1 có quyền chấm dứt hợp đồng cho thuê tài chính trước hạn khi D vi phạm: Không trả tiền thuê theo quy định tại hợp đồng cho thuê tài chính, vi phạm các điều khoản của hợp đồng cho thuê tài chính, bị phá sản, giải thể hoặc mất khả năng thanh toán.... Công ty cho thuê tài chính có toàn quyền thu hồi ngay lập tức tài sản cho thuê và yêu cầu D phải thanh toán ngay toàn bộ số tiền thuê chưa trả theo hợp đồng cho thuê tài chính.

Quyền sở hữu tài sản luôn thuộc về Công ty cho thuê tài chính trong suốt thời hạn thuê và không bị ảnh hưởng trong bất kỳ trường hợp nào khi D phá sản, giải thể, mất khả năng thanh toán.

2. Việc thực hiện hợp đồng:

- Trong quá trình thực hiện các Hợp đồng cho thuê tài chính nêu trên, D đã vi phạm hợp đồng cho thuê tài chính, không trả nợ tiền thuê theo quy định trong hợp đồng cho thuê tài chính, để phát sinh nợ quá hạn lớn và kéo dài. Công ty cho thuê

tài chính thường xuyên làm việc, đôn đốc bằng văn bản, doanh nghiệp đã có các cam kết, hứa hẹn trả nợ tiền thuê tài chính đến hạn, nhưng D đã không thực hiện được, vi phạm khoản 1 Điều 7 của Hợp đồng: "Thanh toán tiền thuê" và quy định chi tiết tại phụ lục 04B/CTTC.

Do D không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng cho thuê tài chính và có biểu hiện không hợp tác trả nợ nên Công ty cho thuê tài chính đã có văn bản thu hồi tài sản, bán đấu giá tài sản để thu hồi vốn nhưng tài sản bán đấu giá không đủ để trả gốc và lãi cho Công ty C1. Đã nhiều lần Công ty tài chính thông báo cho DN phúc Thái để làm việc nhưng không có kết quả, đến năm 2017, 2018 Công ty cho thuê tài chính đã xác minh tại Công an xã S, thì được biết DN chuyển đi nơi khác không có ở địa phương. Do đó Công ty cho thuê tài chính khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị P – chủ doanh nghiệp tư nhân P1 trả số tiền cụ thể như sau:

- + Nợ gốc: 154.654.256 đồng
- + Nợ lãi trong hạn: 51.000.492 đồng
- + Nợ lãi quá hạn tạm tính đến ngày 29/7/2025 là 556.045.431 đồng.

Bà Nguyễn Thị P – chủ DN Phúc Thái phải tiếp tục chịu lãi phát sinh từ ngày kế tiếp sau ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thanh toán hết nợ cho Công ty cho thuê tài chính theo mức lãi suất quy định tại Hợp đồng cho thuê tài chính số 455/2002/ALCI ngày 31/10/2002 – phụ lục hợp đồng 04B/ALCI.

Trường D không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán nợ cho Công ty cho thuê tài chính, thì Công ty cho thuê tài chính có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản cho thuê tài chính là bất kỳ tài sản nào thuộc quyền sở hữu, sử dụng hợp pháp của P1 để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

Bị đơn bà Nguyễn Thị P - Chủ doanh nghiệp tư nhân P1 trong quá trình giải quyết không đến Tòa án để giải quyết, không cung cấp tài liệu, chứng cứ về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng gửi đơn đề nghị Toà án áp dụng thời hiệu khởi kiện, bác đơn khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa: Đại diện của Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về việc đề nghị Tòa án buộc bà Nguyễn Thị P - chủ DN tư nhân D trả cho C cho thuê tài chính số tiền của Hợp đồng cho thuê tài chính cụ thể là:

- + Nợ gốc: 154.654.256 đồng.
- + Nợ lãi trong hạn: 51.000.492 đồng.
- + Nợ lãi quá hạn tính đến ngày 29/8/2025 là : 558.202.858 đồng.

Bà Nguyễn Thị P phải tiếp tục phải tiếp tục chịu lãi phát sinh từ ngày kế tiếp sau ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thanh toán hết nợ cho Công ty cho thuê tài chính theo mức lãi suất quy định tại Hợp đồng cho thuê tài chính số 455/2002/ALCI ngày 31/10/2002 – phụ lục hợp đồng 04B/ALCI

Tại Bản án số 05/2025/KDTM-ST, ngày 29/8/2025 của Tòa án nhân dân khu vực I – TH: Căn cứ: Khoản 1 Điều 30, Điều 35, Điều 147, điều 184 Bộ luật tố tụng

dân sự; Điều 91, 95 Luật các Tổ chức tín dụng, Điều 149, Điều 150, Điều 155, Điều 166, Điều 429 Bộ luật dân sự 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 về án phí. Nghị định số 16/2001/NĐ-CP ngày 02/5/2001 và Nghị định số 65/2005/NĐ-CP ngày 19/5/2005 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung về tổ chức và hoạt động của công ty cho thuê tài chính, Nghị định số 39/2012/NĐ-CP ngày 07/5/2014 của Chính phủ quy định về hoạt động của công ty C1 và công ty cho thuê tài chính;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty C1 - Ngân hàng C1.
2. Buộc bà Nguyễn Thị P có nghĩa vụ trả cho Công ty C1 - Ngân hàng C1 số tiền nợ gốc là 154.654.256 đồng theo Hợp đồng cho thuê tài chính số 455/2002/ALCI ngày 31/10/2002.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn đề nghị Thi hành án nếu người phải thi hành án không thanh toán khoản tiền trên thì phải chịu lãi suất chậm thi hành tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án cho đến khi thi hành xong theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 BLDS.

3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện đòi 609.203.350 đồng tiền lãi của Công ty C1 - Ngân hàng C1 do hết thời hiệu khởi kiện

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

Đến ngày 05 tháng 9 năm 2025, Nguyên đơn kháng cáo một phần Bản án sơ thẩm đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

Đến ngày 12 tháng 9 năm 2025, Bị đơn kháng cáo đề nghị sửa bản án sơ thẩm không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn do hết thời hiệu khởi kiện.

Tại phiên tòa phía Nguyên đơn trình bày: Về tố tụng: Tại phần Quyết định của Bản án sơ thẩm, Hội đồng xét xử không ra quyết định đối với toàn bộ các yêu cầu của Nguyên đơn làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Nguyên đơn vi phạm quy định tại Điểm c Khoản 2 Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ để áp dụng thời hiệu khởi kiện kể từ ngày 31/12/2023: Thời hiệu khởi kiện được bắt đầu tính lại nếu bên có nghĩa vụ thừa nhận nghĩa vụ của mình đối với bên có quyền.

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 14 của Hợp đồng cho thuê tài chính vẫn còn có hiệu lực, việc chấm dứt hợp đồng thuê không đồng nghĩa với việc hợp đồng tự động chấm dứt, không có căn cứ nào chứng minh rằng hợp đồng đã chấm dứt hợp lệ.

Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh TH chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn sửa án sơ thẩm.

Phía bị đơn trình bày: Về thời hiệu khởi kiện: căn cứ Điều 427 Bộ luật dân sự năm 2005, Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015, Điều 429 của Bộ luật dân sự năm

2015 để xác định thời hiệu khởi kiện: Thời hiệu khởi kiện đã kết thúc vào ngày 12/02/2010.

Về nghĩa vụ thanh toán: trước khi thu hồi tài sản: phía Nguyên đơn chưa thể hiện sự hỗ trợ trong việc thực hiện giãn nợ/cơ cấu nợ cho Doanh nghiệp tư nhân Phúc Thái; đồng thời chưa xử lý quyền lợi bảo hiểm cho phía Doanh nghiệp và việc thu hồi tài sản, bán tài sản chưa phản ánh đúng giá thực tế.

Tại phiên tòa viện kiểm sát phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, thư ký và của Hội đồng xét xử phúc thẩm đã tuân thủ theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự

Việc chấp hành pháp luật của đương sự: đã tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự: không chấp nhận kháng cáo của Nguyên đơn, bị đơn giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Sau khi tuyên án ngày 29/8/2025 đến ngày 05/9/2025 Nguyên đơn kháng cáo và nộp tạm ứng án phúc thẩm phí theo quy định; bị đơn kháng cáo ngày 12/9/2025 và thuộc trường hợp được miễn án phí.

Kháng cáo của Nguyên đơn, bị đơn đều trong hạn quy định được xem xét giải quyết theo trình tự thủ tục phúc thẩm.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2]. Về nội dung vụ án: Xét kháng cáo của các bên đương sự:

[2.1]. Xét kháng cáo của Nguyên đơn công ty C1-Ngân hàng C1: Tại phiên tòa phía Nguyên đơn xác nhận trong quá trình thực hiện hợp đồng cho thuê tài chính số 455/2002/ALC1 – ngày 31/10/2002, Doanh nghiệp tư nhân P1 không thực hiện được đầy đủ nghĩa vụ trả nợ theo các thỏa thuận đã ký kết trong hợp đồng, hai bên đã nhiều lần làm việc để xử lý vấn đề trả nợ nhưng Doanh nghiệp tư nhân P1 vẫn vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho đến ngày 11/4/2006 phía Nguyên đơn đã cưỡng chế thu tài sản và đến ngày 02/12/2007 phía Nguyên đơn đã bán tài sản và hoạch toán Doanh nghiệp tư nhân P1 còn nợ số tiền nợ gốc: 154.654.256 đ phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ vụ án.

Công ty cho thuê tài chính tại phiên tòa cũng khẳng định năm 2007 nhưng đến năm 2023 mới khởi kiện đến Tòa án là do hồ sơ liên quan đến việc cho thuê tài chính do nhiều người quản lý nên đến năm 2023 mới khởi kiện đến Tòa án, quá trình giải quyết vụ án phía Nguyên đơn có cung cấp các năm 2012 có gửi thông báo về việc thanh toán tiền cho thuê tài chính cho Doanh nghiệp tư nhân P1 có báo phát doanh nghiệp đã chuyển nơi khác và năm 2018 có xác minh tại xã S đối với bà Nguyễn Thị

P và Doanh nghiệp tư nhân P1 có kết quả “ Bà Nguyễn Thị P vẫn có hộ khẩu thường trú tại xã S, bà P thường xuyên không có mặt tại địa phương đi đâu làm gì không rõ...”, năm 2021 tiếp tục gửi Thông báo về việc thanh toán tiền cho thuê tài chính nhưng phía nguyên đơn không cung cấp được các tài liệu chứng minh phía Bị đơn nhận được Thông báo thanh toán nghĩa vụ trả nợ và các tài liệu về việc xác nhận nghĩa vụ trả nợ.

Căn cứ vào Điều 154; Điều 156; Điều 157 của Bộ luật dân sự và Điều 429 của Bộ luật dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử nhận định từ thời điểm năm 2007 là thời điểm phát sinh tranh chấp nhưng đến năm 2024 mới có yêu cầu khởi kiện, bị đơn đề nghị Tòa án áp dụng thời hiệu khởi kiện, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp phần lãi trong hạn và quá hạn với số tiền: 609.203.350 đồng là đúng quy định.

[2.2]. Đối với kháng cáo của Bị đơn: trong quá trình thực hiện hợp đồng hợp đồng cho thuê tài chính số 455/2002/ALC1 – ngày 31/10/2002, tại phiên tòa phía bị đơn xác định là thanh toán được khoản nợ gốc theo hợp đồng đã ký kết ngày 31/10/2002 được tổng số khoảng 04 - 05 kỳ và xác nhận dư nợ hiện nay còn: 154.654.256 đ, phía bị đơn khai nhận về các hóa đơn về việc trả nợ gốc do hiện nay không còn do bị thất lạc nhưng phía công ty đối chiếu công nợ như vậy là đúng, tuy nhiên phía Bị đơn cho rằng đây là tranh chấp hợp đồng, cần áp dụng Điều 429 của Bộ luật dân sự năm 2015 áp dụng thời hiệu khởi kiện đối với khoản nợ gốc này.

Hội đồng xét xử nhận định: Phía Công ty cho thuê tài chính mua máy Xúc đào bánh xích. Moeel: E240 và được các bên thống nhất giá trị: 700.070.000 đ và ký kết hợp đồng thuê tài sản số 455/2002/ALC1 – ngày 31/10/2002 có bảng tính tiền thuê tài chính phụ lục số 4B kèm theo hợp đồng, trong đó tại Điều 15 của Hợp đồng quy định xử lý tài sản sau khi kết thúc hợp đồng cho thuê có nội dung: “ Sau khi bên B hoàn tất các nghĩa vụ thanh toán theo Điều 7, Bên A có trách nhiệm bán và bên B có quyền mua lại tài sản thuê với giá tương trưng được quy định phụ lục...” và **Hợp đồng chấm dứt trước hạn quy định** tại Điểm 2.1 – Khoản 2 – Điều 15 của Hợp đồng, do Doanh nghiệp tư nhân P1 vi phạm hợp đồng nên đến năm 2007, phía Nguyên đơn đã cho thu hồi máy xúc và bán để trừ vào nợ gốc và Hợp đồng hợp đồng thuê tài sản số 455/2002/ALC1 – ngày 31/10/2002 đã chấm dứt, tuy nhiên khoản tiền mua máy là do công ty cho thuê tài chính đã bỏ ra mua và có điều khoản thỏa thuận về việc trả gốc, do vậy số tiền nợ gốc: 154.654.256đ, Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu trả khoản tiền này không thuộc trường hợp áp dụng thời hiệu khởi kiện tại Điều 156 của Bộ luật dân sự là đúng quy định pháp luật.

- Tại phiên tòa phúc thẩm phía bị đơn cho rằng giá niêm yết khi bán tài sản năm 2006 với giá: 500 triệu đồng nhưng khi bán tài sản thấp nên không đồng ý, về nội dung này Hội đồng xét xử xét thấy phía bị đơn cũng nhất trí tại biên bản làm việc ngày 09/8/2006 với nội dung để công ty cho thuê tài chính thu hồi tài sản về bán và công ty cho thuê tài chính đã thuê đơn vị bán đấu giá đối với tài sản trên, phía

bị đơn không đưa ra các tài liệu về việc công ty bán tài sản được giá cao hơn giá bán đấu giá nên không có cơ sở để chấp nhận và ngoài ra các bên cũng thỏa thuận là khoản tiền bán máy xúc được trừ vào nợ gốc và thừa thì trả lại tiền cho bị đơn, nếu thiếu thì bị đơn tiếp tục trả nợ gốc và lãi phát sinh và từ năm 2007 đến nay phía bị đơn cũng không có khiếu nại về việc bán tài sản này.

Do vậy kháng cáo của bị đơn đề nghị áp dụng Điều 429 của Bộ luật dân sự đối và áp dụng thời hiệu đối với với khoản nợ gốc với số tiền: 154.654.256 đ là không có cơ sở.

Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét áp dụng thời hiệu đối với khoản lãi trong hạn và quá hạn và xem xét buộc bà Nguyễn Thị P phải trả khoản nợ gốc là có cơ sở.

Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Nguyên đơn và bị đơn giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3]. Về án phí phúc thẩm: Công ty C1 phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm theo quy định với số tiền: 2.000.000 đồng.

Bà Nguyễn Thị P là người cao tuổi được miễn án phí phúc thẩm.

[4]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật

Vì các lý lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Khoản 1 Điều 308; Khoản 1 Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 29 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Tuyên xử:

1. Không Chấp nhận kháng cáo Nguyên đơn và bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 05/2025/KDTMST – ngày 29/8/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1 – TH.

2. Về án phí phúc thẩm: Công ty C1 – Ngân hàng C1 phải chịu án phí phúc thẩm với số tiền: 2.000.0000 đ (hai triệu đồng) được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai số BLTU/25E, số 0001146 – ngày 24/9/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh TH.

Bà Nguyễn Thị P được miễn án phí phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

Các thẩm phán

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Hoàng Anh Tuấn Lý Thị Thúy Hoàng Hữu T1